TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 10/8/2017
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **PHẠM HÙNG THÁI**
2. Ông **TRẦN TRUNG NHÂN**

-Thư ký phiên tòa: Bà **LÊ THỊ KIM NGỌC** – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang *tham gia phiên toà:* Bà **HUỲNH THỊ CẨM** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 298/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2017 về việc tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **LÊ MINH P**, sinh năm 1982 (Có mặt)
Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
2. Bị đơn: Chị **TRẦN THỊ BÍCH Đ**, sinh năm 1994 (Vắng mặt)
Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 27/4/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Minh P trình bày:

Do mai mối nên anh và chị Đ kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T. Vợ chồng sống hạnh phúc đến giữa năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do chị Đ có dấu hiệu ngoại tình và anh chị chính thức ly thân từ đó đến nay. Nay anh P yêu cầu được ly hôn chị Đ.

Con chung có hai cháu tên Lê Ngọc Kim N, sinh ngày 16/02/2013, Lê Minh Q, sinh ngày 19/4/2015, hiện đang sống với anh. Nay anh yêu cầu được nuôi hai cháu, không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn chị Trần Thị Bích Đ đã được Toà án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải kèm giấy triệu tập theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự liên quan việc anh P xin ly hôn với chị, yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không có nhưng chị Đ vẫn không có văn bản nêu ý kiến và cố tình vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên toà, anh P vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và của các đương sự chấp hành đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Hiện tại thì chưa phát hiện sai sót gì để kiến nghị khắc phục. Về nội dung: Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đề nghị cho anh P được ly hôn chị Đ, giao hai con chung cho anh P nuôi, chị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng:*** Chị Trần Thị Bích Đ vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị Đ.

Về nội dung:

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Tại phiên toà, anh P trình bày do mai mối nên anh và chị Đ xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Sau khi cưới, anh chị chỉ sống hạnh phúc đến giữa năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn và chính thức ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân do chị Đ có dấu hiệu ngoại tình, không quan tâm gia đình. Nay anh P cương quyết xin ly hôn chị Đ. Chị Đ thì vắng mặt không lý do. Xét thấy, cho anh P được ly hôn với chị Đ là có cơ sở. Bởi lẽ, mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình thụ lý vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho chị Đ để đảm bảo quyền nêu ý kiến của chị, cũng như hoà giải để anh chị hàn gắn, đoàn tụ nhưng chị Đ vẫn không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt không lý do. Chứng tỏ, chị cố tình từ bỏ quyền phản đối, quyền chứng minh của mình và thể hiện chị không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân của vợ chồng, nên không có biện pháp nào để hàn gắn, đoàn tụ được. Cho nên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh P là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Có hai cháu tên Lê Ngọc Kim N, sinh ngày 16/02/2013, Lê Minh Q, sinh ngày 19/4/2015, hiện đang sống với anh P. Mặc dù, cháu Q là con chung dưới 36 tháng tuổi nhưng xét thấy tiếp tục giao cháu N và cháu Q cho anh P nuôi là có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, trước giờ hai cháu đã sống ổn định với anh P từ khi vợ chồng ly thân đến nay. Trong khi đó, bản thân chị Đ thì bỏ mặc không có văn bản ý kiến gì liên quan đến yêu cầu được nuôi hai con chung của anh P sau khi Toà

án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho chị. Đồng thời, căn cứ vào văn bản ý kiến xác nhận của đại diện địa phương cho rằng anh P đang nuôi hai cháu cuộc sống rất ổn định. Từ đó để đảm bảo quyền lợi của con chung cũng như để tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý, đời sống học tập, sinh hoạt của các cháu nên tiếp tục giao hai con chung cho anh P nuôi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về cấp dưỡng:* Anh P không yêu cầu nên Toà án không đặt ra xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung:* Theo anh P trình bày là không có nên Toà án không đặt ra xem xét.

[6] *Về án phí:* Anh P phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[7] Xét ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Lê Minh P. Cho anh Lê Minh P được ly hôn chị Trần Thị Bích Đ.

Về con chung: Tiếp tục giao hai cháu Lê Ngọc Kim N, sinh ngày 16/02/2013, Lê Minh Q, sinh ngày 19/4/2015 cho anh P nuôi. Chị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Anh Lê Minh P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 06753 ngày 27/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên xem như thi hành xong.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM